

Bản án số: 52/2017/HSPT
Ngày 07 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng
Ông Cao Văn Tám

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2017/HSPT ngày 03/8/2017 đối với bị cáo Huỳnh N và 03 bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Huỳnh N**, sinh năm 1998 tại huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp M, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Huỳnh Văn P, 43 tuổi và bà Đinh Mộng C, 37 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trương Hà Đ**, sinh năm 1998 tại thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp M, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trương Đại K, sinh năm 1975 và bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1976; anh, chị, em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Huỳnh Vũ H**, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Huỳnh Văn T, 48 tuổi và bà Phan Thị D, sinh năm 1963; anh, em ruột: 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất 14 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T (đã chết); anh, em ruột: 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, (có mặt).

- *Người bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị:* Anh Trịnh Hoàng P, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 08/01/2017 các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C cùng bàn bạc trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô của anh Trịnh Hoàng P. Vào khoảng 00 giờ 15 phút ngày 09/01/2017, các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Trịnh Hoàng P là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future Fi, màu ghi đen, biển kiểm soát 83P2 – 630.33 tại nhà xe Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất nhập khẩu V thuộc ấp M, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi phát hiện mất tài sản, anh Trịnh Hoàng P trình báo với Công an xã T và Công an thị xã R để tiến hành điều tra. Qua làm việc, các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp các tang vật là xe mô tô biển kiểm soát 83P2 – 630.33 cùng các bộ phận của xe gồm kính chiếu hậu và ba ga xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã R kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu ghi đen, biển kiểm soát 83P2-630.33, mua vào năm 2016. Theo giá thị trường vào thời điểm bị mất trộm là 30.990.000 đồng/ chiếc, nhưng do thời gian sử dụng tài sản bị hao mòn nên giá trị còn lại là 80%, thành tiền 24.792.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 10/01/2017.

Xử phạt bị cáo Trương Hà Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Vũ H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2017, 27/6/2017 các bị cáo Huỳnh N, Huỳnh Văn C, Huỳnh Vũ H và Trương Hà Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã R kháng nghị đề nghị không áp dụng tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, chấp nhận các kháng cáo của các bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ mức án cho các bị cáo, cụ thể: Phạt bị cáo N mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Đ mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; bị cáo H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù và bị cáo C mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, vì hành vi của các bị cáo không có tính tổ chức nên không áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cụ thể: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 09/01/2017, các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, Huỳnh Văn C hẹn nhau tại Cầu Định Thành để bàn bạc việc lấy trộm xe của anh P, do bị cáo N đã lấy được chìa khóa xe của anh P trước đó, sau khi bàn bạc bị cáo N đưa chìa khóa xe cho bị cáo Đ và miêu tả đặc điểm chiếc xe của anh P, các bị cáo thống nhất và cùng vào Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất nhập khẩu V, nơi xe của anh P để xe, bị cáo Đ vào nhà xe lấy xe điều khiển ra đến cổng Công ty thì bị bảo vệ Công ty chặn lại yêu cầu xuất trình thẻ giữ xe, bị cáo Đ không có thẻ xe nên mang xe vào để đúng vị trí cũ và đi gặp bị cáo N, H và C

thì bị cáo N kêu H đưa thẻ giữ xe của H cho bị cáo Đ, bị cáo Đ nhận thẻ xe từ tay bị cáo H rồi vào nhà xe lấy xe, khi điều khiển ra đến cổng Công ty thì đưa thẻ xe cho bảo vệ rồi điều khiển xe chạy về hướng Cà Mau, khi đến Nhà văn hóa xã Tắc Vân thì điện thoại cho bị cáo H, sau đó bị cáo H, bị cáo N và bị cáo C cùng đi chung xe của C đến Nhà văn hóa xã Tắc Vân, tại đây bị cáo H tháo biển số xe, tem xe vứt xuống sông Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu và tất cả cùng điều khiển xe trộm được xuống Cà Mau để cầm lấy tiền tiêu xài, nhưng mới chạy đến Phường 6 Cà Mau thì bị Cảnh sát 113 yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì bị cáo H và bị cáo Đ cùng với xe trộm được không chấp hành hiệu lệnh của lực lượng Cảnh sát 113 chạy thoát. Khi đến Cà Mau, bị cáo Đ và bị cáo H không mang xe đi cầm được vì xe không có giấy tờ, sau đó bị cáo H đón xe buýt về Công ty trước và kêu bị cáo Đ mang xe về nhà của ông ngoại bị cáo H cất giữ, sau đó các bị cáo bị bắt nên đã giao nộp xe cho Cơ quan Công an giao trả cho người bị hại.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu chứng cứ khác, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi thực hiện hành vi lấy trộm xe, các bị cáo đã có sự bàn bạc tại cầu Định Thành và có sự phân công người trực tiếp thực hiện, sau khi thực hiện hành vi nhưng không mang xe ra ngoài Công ty được thì các bị cáo tiếp tục bàn bạc tại Công ty và bị cáo N đã kêu bị cáo H đưa thẻ giữ xe cho bị cáo Đ, sau khi mang được xe ra ngoài các bị cáo tiếp tục bàn bạc việc mang tài sản trộm được đi tiêu thụ. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định các bị cáo đã có sự sắp xếp, tổ chức cho việc lấy trộm tài sản trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm tài sản, trong đó bị cáo N với vai trò chủ mưu, lôi kéo và phân công công việc cho các bị cáo khác thực hiện, bị cáo Đ với vai trò trực tiếp thực hiện, bị cáo H với vai trò giúp sức tích cực để lấy được tài sản, trực tiếp làm thay đổi kiểu dáng tài sản trộm để dễ dàng mang đi tiêu thụ và là mắc xích, cầu nối liên lạc với các bị cáo còn lại sau khi đã lấy được tài sản, còn bị cáo C là người dùng phương tiện của mình để chở các bị cáo đến điểm hẹn mà bị cáo Đ đang đợi và cùng chờ nhau đi tiêu thụ tài sản trộm được. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Trước khi đưa vụ án ra xét xử, trong quyết định đưa vụ án cấp sơ thẩm đã thể hiện nội dung xét xử hành vi của các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo xác định đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và biết Tòa án sẽ xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, nên về mặt thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R cũng như kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, với tính chất của vụ án, chỉ vì nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà các bị cáo bất chấp pháp luật, các bị cáo cùng là công nhân làm việc chung với người bị hại, lấy trộm chìa khóa xe của người bị hại trước đó, sau đó mới tổ chức thực hiện trộm cắp, giá trị tài sản lớn, nên cần có mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa chung, mức án mà cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đánh giá, tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo và mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt cho từng bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên, cũng như kháng cáo của các bị cáo.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ và Huỳnh Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm hình sự. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Huỳnh Vũ H.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H và Huỳnh Văn C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 21/6/2017 Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ, Huỳnh Vũ H, và Huỳnh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh N 02 (hai) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 10/01/2017.

Xử phạt bị cáo Trương Hà Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Vũ H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến ngày 23/01/2017.

- Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh N, Trương Hà Đ và Huỳnh Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Huỳnh Vũ H.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BL (02 bản);
- VKSND thị xã Giá Rai (01 bản);
- Phòng hồ sơ CA tỉnh BL (01 bản);
- TAND thị xã Giá Rai (02 bản);
- CQCSĐT CA thị xã Giá Rai (01 bản);
- THA thị xã Giá Rai (01 bản);
- Bị cáo (04 bản);
- Người bị hại (01 bản);
- Sở Tư pháp (01 bản);
- Lưu HS.

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn